

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT ĐÔNG NAM Á
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT ĐÔNG NAM Á

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DONG NAM A FURNITURE AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DONG NAM A FUNICON .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108394053

3. Ngày thành lập: 08/08/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 9, ngõ 217, đường Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0935637799

Fax:

Email: Congtynhavietnam@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
2.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
3.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
4.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
5.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
6.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
7.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan Chi tiết: Sản xuất đá quý và đá bán quý, bao gồm đá công nghiệp và đá quý hoặc bán quý tái phục hồi hoặc nhân tạo	3211
8.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
9.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
10.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
13.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
14.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
15.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
16.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
17.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm hoạt động điều tra)	7320
18.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
19.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
21.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
22.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
23.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
24.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; Bán buôn sơn và véc ni; Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; Bán buôn kính phẳng; Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn bình đun nước nóng; Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác	4663
27.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
28.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy (Điều 48 Nghị định 59/2015/NĐ-CP của Chính Phủ) Đ của Ch Ph - Lập quy hoạch xây dựng; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước; Khảo sát xây dựng; Lập thiết kế, dự toán; thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Giám sát thi công xây dựng; Thi công xây dựng công trình; Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng (Điều 69, Nghị định 59/2015/NĐ-CP của Chính Phủ) - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng (Điều 60 Nghị định 59/2015/NĐ-CP của Chính Phủ); Tư vấn quản lý dự án (Điều 63 Nghị định 59/2015/NĐ-CP của Chính Phủ); Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng (Điều 155 Luật Xây dựng 2014) - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 79/2014/NĐ-CP)	7110
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

30.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
31.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
32.	Phá dỡ	4311
33.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
34.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
35.	Cho thuê xe có động cơ (không bao gồm hoạt động đầu giá)	7710
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại)	8299
37.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
38.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
39.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
40.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
41.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
42.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ.	1629
43.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất đá nhân tạo	2220
44.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất đá phiến và đá lát thêm không chịu lửa	2392
45.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6492
46.	Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản (Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản 2014); Tư vấn bất động sản (Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản 2014); Quản lý bất động sản (Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản 2014).	6820
47.	Đúc kim loại màu	2432
48.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
49.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
50.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
51.	Xây dựng công trình công ích	4220

52.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
53.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
54.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
55.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
56.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
57.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh Bất động sản (Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6810

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN QUỐC TUẤN	Số 30A nhà A4, TT 128C Đại La, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.100.000	11.000.000.000	55,000	017076000042	
			Tổng số	1.100.000	11.000.000.000	55,000		
2	VI ĐỨC PHONG	Tổ 40, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	15,000	012418330	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	15,000		
3	HÀN VŨ TUYỀN	Số 50 Phố Bà Triệu, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	15,000	011033141	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	15,000		
4	QUÁCH MẠNH LONG	Tổ 20, Phường Tân Hòa, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	15,000	113028761	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	15,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/10/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017076000042

Ngày cấp: 04/02/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 30A nhà A4, TT 128C Đại La, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 30A nhà A4, TT 128C Đại La, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội